



Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia

Thực trạng và xu hướng

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)

Nguyễn Tôn Quyền (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam)

Huỳnh Văn Hạnh (Hội Gỗ mỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh)

Trần Lê Huy (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định)

Cao Thị Cẩm (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam)

Tháng 5 năm 2016

Lời cảm ơn

Báo cáo này là sản phẩm hợp tác của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA). Báo cáo có một phần hỗ trợ về mặt tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh (DFID). Số liệu và phân tích trong Báo cáo này chủ yếu được dựa trên nguồn số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam. Các kết quả chính trong Báo cáo được trình bày tại Hội thảo Quốc gia *Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu: Thực trạng và xu hướng* được tổ chức tại Hà Nội ngày 4 tháng 4 năm 2016. Nhóm tác giả xin cảm ơn các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham gia Hội thảo. Các phân tích và nhận định trong Báo cáo này là của tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi tác giả đang làm việc.

Nội dung

Lời cảm ơn	1
1. Giới thiệu chung	3
2. Một số nét chính	3
3. Nhập khẩu gỗ xẻ từ Campuchia vào Việt Nam	6
3.1. Một số nét chung	6
3.2. Các loài gỗ xẻ nhập khẩu.....	7
4. Nhập khẩu gỗ tròn từ Campuchia vào Việt Nam	12
5. Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ từ Campuchia vào Việt Nam	15
6. Kết luận.....	17

1. Giới thiệu chung

Việt Nam và Campuchia có chung trên 1.100 km đường biên giới, trải dài qua 10 tỉnh của Việt Nam. Đây là lợi thế quan trọng nhằm thúc đẩy thương mại các loại hàng hóa và dịch vụ giữa hai quốc gia. Hàng năm kim ngạch thương mại song phương đạt bình quân khoảng 3,4 tỉ USD và tốc độ tăng trưởng gần 5,8. Xu hướng hiện nay cho thấy kim ngạch thương mại có tiềm năng đạt khoảng 5 tỉ USD trong thời gian tới.¹ Các sản phẩm Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia chủ yếu là hàng tiêu dùng, nông lâm thủy sản, sản phẩm nhựa, vật liệu xây dựng. Các sản phẩm Việt Nam nhập khẩu từ Campuchia chủ yếu bao gồm cao su và các mặt hàng gỗ.²

Báo cáo này tập trung vào mô tả thực trạng Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm gỗ nguyên liệu từ Campuchia. Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam bao gồm 2 nhóm mặt hàng: nhóm gỗ tròn (mã Hải quan HS 4403) và gỗ xẻ (HS 4407). Đây là nhóm mặt hàng nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam từ Campuchia. Cụ thể, theo quy định của Hải quan Việt Nam, nhóm 4403 (gỗ và các mặt hàng gỗ) bao gồm các sản phẩm là gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ, hoặc dác đẻo vuông thô. Nhóm này bao gồm 12 loại sản phẩm khác nhau. Nhóm 4407 bao gồm 32 loại sản phẩm, là các loại gỗ đã cưa xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép đầu, có độ dày trên 6m. Chi tiết các sản phẩm thuộc 2 nhóm này được mô tả chi tiết trên website của Tổng cục Hải Quan.³

Các số liệu thống kê trong Báo cáo chủ yếu được dựa trên nguồn số liệu nhập khẩu của Tổng cục Hải quan của Việt Nam. Báo cáo trình bày thực trạng và xu hướng nhập khẩu, tập trung vào những năm gần đây. Cụ thể, phần 2 của Báo cáo chỉ ra một số nét chung trong nhập khẩu. Phần 3 phân tích thực trạng và xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ từ Campuchia; Phần 4 tập trung vào gỗ tròn. Tầm quan trọng của các cửa khẩu nhập khẩu cũng như sự khác nhau trong các cửa khẩu được mô tả trong phần 5. Phần 6 của Báo cáo đưa ra một số kết luận.

2. Một số nét chính

Bắt đầu từ năm 2013 lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam liên tục tăng. Bảng 1 chỉ ra giá trị và khối lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam giai đoạn 2013-2015.

Bảng 1. Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam 2013-2015

Năm	Gỗ tròn		Gỗ xẻ	
	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (USD)
2013	405	0,7	51.100	45,0
2014	383	0,02	153.500	256,5
2015	57.700	16,9	377.900	362,1

¹ http://conghuong.hochiminhcity.gov.vn/ttsk/-/asset_publisher/Jeo2E7hZA4Gm/content/id/361634; <http://www.thesaigontimes.vn/137689/Vie%CC%A3t-Nam-Campuchia-nha%CC%81m-de%CC%81n-trao-doi-thuong-ma%CC%A3i-5-ti%CC%89-do-la-My%CC%83.html>.

² <http://vietbao.vn/Kinh-te/Trien-vong-thuong-mai-Viet-NamCampuchia/55150283/88/>

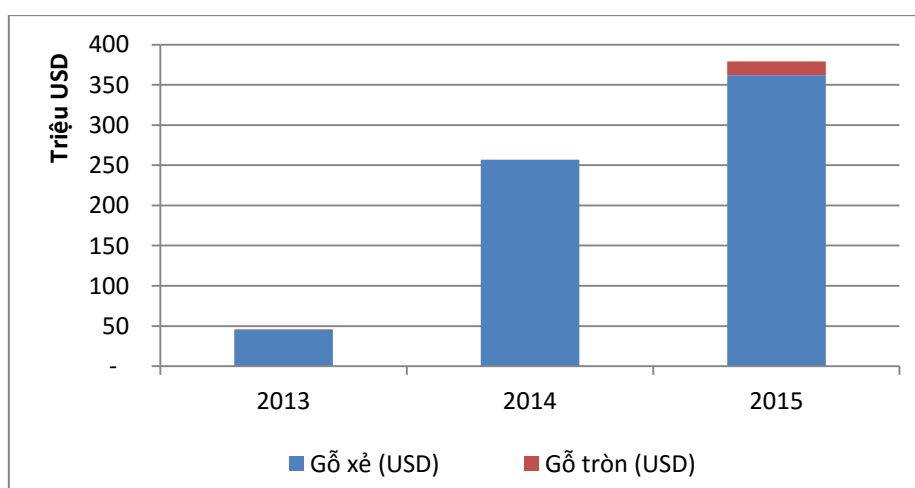
³ Chi tiết các sản phẩm trong nhóm 4403 này có thể tra cứu tại website: <http://customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx?portlet=Structure&tariff=4403&language=vi-VN>. Các sản phẩm trong nhóm 4407 có thể tra cứu tại website: <http://customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam chủ yếu là gỗ xẻ. Năm 2015 lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ quốc gia này đạt gần 380.000 m³, tương đương với hơn 530.000 m³ gỗ quy tròn. Trong năm 2015 lượng gỗ tròn nhập khẩu chỉ đạt gần 58.000 m³, chiếm gần 11% trong tổng lượng gỗ nguyên liệu quy tròn nhập khẩu từ quốc gia này.

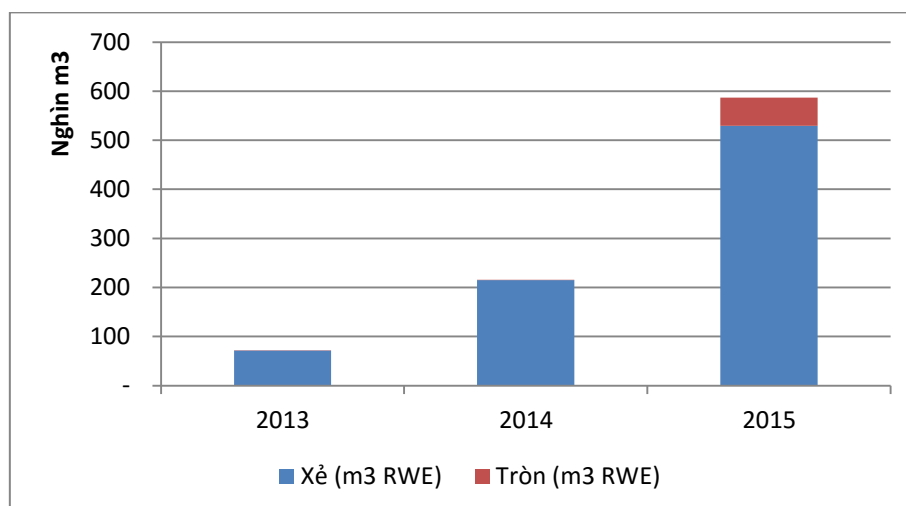
Giá trị kim ngạch nhập khẩu từ Campuchia cũng phản ánh xu thế tương tự. Cụ thể năm 2015 giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ quốc gia này đạt trên 362 triệu USD, lớn gấp hơn 21 lần giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn (16,9 triệu USD).

Trong giai đoạn 2013-2015, gỗ nguyên liệu từ Campuchia vào Việt Nam tăng về cả lượng và kim ngạch. Cụ thể, lượng gỗ nhập khẩu năm 2014 đạt gần 215.000 m³ gỗ quy tròn, tăng gấp 3 lần so với tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ quốc gia này năm 2013. Năm 2015 lượng nhập tiếp tục tăng, đạt gần 590.000 m³ gỗ quy tròn, tăng 2,7 lần so với lượng nhập năm 2014 và trên 8 lần so với năm 2013. Lượng nhập tăng chủ yếu là từ gỗ xẻ. Mặc dù lượng gỗ tròn nhập khẩu cũng có tốc độ tăng trưởng rất nhanh, từ mức hầu như không đáng kể từ năm 2014 và những năm trước đó lên gần 57.000 m³ năm 2015. Hình 1 và 2 cho thấy xu hướng thay đổi về giá trị và lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam giai đoạn 2013-2015.

Hình 1. Thay đổi giá trị gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam



Hình 2. Thay đổi khối lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam



Nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng đột biến về lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam là do việc bãi bỏ quy định về việc cấp phép nhập khẩu gỗ nguyên liệu theo tinh thần của Thông tư 01/2014/TT-BCT của Bộ Công thương, ban hành ngày 15 tháng 1 năm 2014.⁴ Cụ thể, Thông tư chỉ rõ: *“Bãi bỏ quy định về việc cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất gỗ nguyên liệu từ Campuchia...”*, theo đó *“Thương nhân nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia làm thủ tục tại cơ quan hải quan theo quy định hiện hành và không phải xin giấy phép của Bộ Công thương.”*

Trước đó hoạt động nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia được điều chỉnh bởi Thông tư 04/2006/TT-BTM của Bộ Công thương.⁵ Thông tư 04 nêu rõ: *“Thương nhân có hợp đồng nhập khẩu hoặc hợp đồng tạm tái xuất gỗ ký với thương nhân Campuchia được Bộ Thương mại Campuchia cấp giấy phép xuất khẩu gỗ nguyên liệu gửi văn bản và hợp đồng kèm về Bộ Thương mại [của Việt Nam] xin phép nhập khẩu hoặc giấy phép tạm nhập tái xuất gỗ. Bộ Thương mại sẽ cấp giấy phép nhập khẩu, tạm tái xuất cho thương nhân sau khi nhận được giấy phép xuất khẩu gỗ nguyên liệu của Bộ Thương mại Campuchia gửi đến Bộ Thương mại Việt Nam qua Đại sứ quán hoặc cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại Campuchia.”* Bên cạnh đó, Thông tư 04 cũng chỉ cho phép việc vận chuyển, giao nhận gỗ nguyên liệu nhập khẩu giữa Campuchia và Việt Nam thực hiện qua 13 cửa khẩu đường bộ giữa 2 quốc gia và các cửa khẩu quốc gia và quốc tế bằng đường biển.

Thông tư 01 thay thế Thông tư 04 đã tạo ra sự thông thoáng trong nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia vào Việt Nam. Sự thông thoáng không phải chỉ thông qua việc đơn giản hóa thủ tục giấy tờ nhập khẩu mà cho phép thực hiện hoạt động nhập khẩu gỗ nguyên liệu diễn ra tại tất cả các cửa khẩu chung giữa 2 quốc gia.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam tăng có thể một phần là do chính sách cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu chưa qua chế biến từ Chính phủ Lào ban hành vào tháng 8 năm 2015 nhằm đáp ứng cho nhu cầu của ngành chế biến gỗ của chính quốc gia Lào.⁶ Lượng nhập từ Campuchia tăng cũng có thể là do việc mất nguồn cung gỗ tròn từ Myanmar bắt đầu kể từ khi chính phủ nước này thực hiện lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn từ 1 tháng 4 năm 2014 nhằm tạo giá trị gia tăng của nguồn gỗ nguyên liệu xuất khẩu.⁷

Trong bối cảnh nguồn cung gỗ từ Lào và Myanmar bị hạn chế, một số doanh nghiệp của Việt Nam buộc phải tìm nguồn cung khác thay thế, đặc biệt tại những quốc gia có các loại gỗ có tính tương đồng với các loại gỗ từ Lào và Myanmar. Một trong những nguồn cung thay thế đó là từ Campuchia.

⁴ Chi tiết nội dung Thông tin xem tại trang web: <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-01-2014-TT-BCT-nhap-khau-go-nguyen-lieu-Campuchia-219235.aspx>

⁵ Chi tiết về Thông tin 12/2006/TT-BTM xem trong trang web: <http://www.customs.gov.vn/Lists/VanBanPhapLuat/ViewDetails.aspx?List=b83d2062-3090-4797-af61-7498eff47f51&ID=4248&Web=c00daeed-988b-468d-b27c-717ca31ae3ff>

⁶ Thông tin có liên quan đến chính sách hạn chế xuất khẩu gỗ chưa qua chế biến của Chính phủ Lào có thể tham khảo tại trang web:

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_Govt_prohibits.htm

⁷ Thông tin thêm về lệnh cấm này có thể tham khảo tại website: <http://www.reuters.com/article/us-myanmar-forests-idUSBREA2J27K20140320>

3. Nhập khẩu gỗ xẻ từ Campuchia vào Việt Nam

3.1. Một số nét chung

Gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Trong năm 2015, Campuchia là quốc gia đứng thứ 3 trong bảng xếp hạng 10 quốc gia có lượng gỗ xẻ nhập khẩu nhiều nhất vào Việt Nam. Campuchia là quốc gia đứng thứ nhất trong bảng xếp hạng 10 quốc gia có giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ lớn nhất vào Việt Nam.⁸

Trong năm 2015 Việt Nam nhập khẩu 30 loại gỗ là gỗ xẻ từ Campuchia. Nếu sử dụng bảng phân loại các nhóm gỗ của Chính phủ Việt Nam, trong đó các loại gỗ được phân chia làm 8 nhóm khác nhau,⁹ các loại trong đó có 7 loài gỗ thuộc nhóm 1, 5 loại thuộc nhóm 2, 6 loại thuộc nhóm 3, còn lại là các loại thuộc nhóm 4-7.

Số các loài gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia chỉ bằng 1/2 số loài gỗ xẻ được nhập khẩu từ Lào.¹⁰

Bảng 2 chỉ ra khối lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam trong những năm gần đây. Hình 3 và 4 chỉ ra xu hướng thay đổi về lượng và giá trị kim ngạch nhập khẩu.

Bảng 2. Lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam

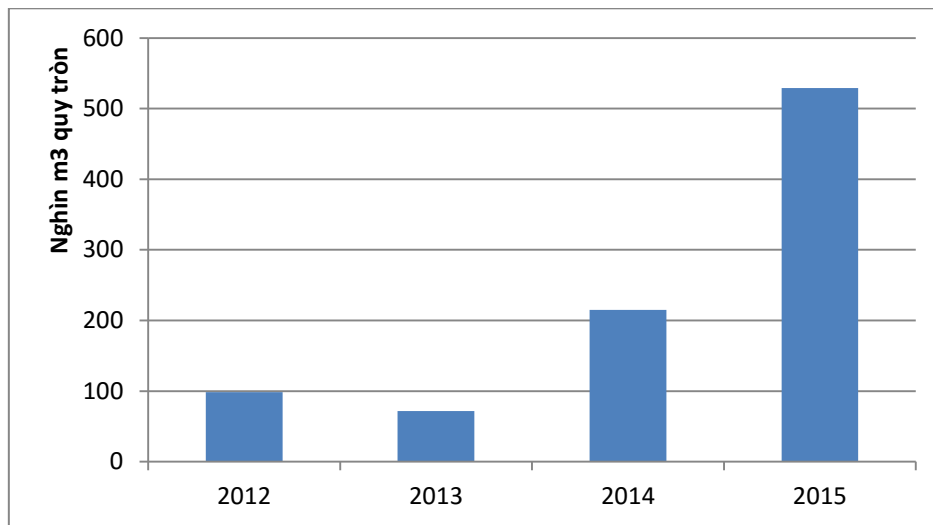
Năm	Lượng gỗ xẻ (m ³)	Lượng gỗ xẻ quy tròn (m ³)	Giá trị (Triệu USD)
2012	70.400	98.500	26,5
2013	51.100	71.600	45,0
2014	153.500	215.000	256,5
2015	377.900	529.100	362,1

⁸ Chi tiết danh sách và thứ tự các quốc gia xem trong Báo cáo của Tổ chức Forest Trends và VIFORES, FPA Bình Định và HAWA tiêu đề ***Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu: Tổng quan*** do Tô Xuân Phúc và các cộng sự soạn thảo vào tháng 5 năm 2016.

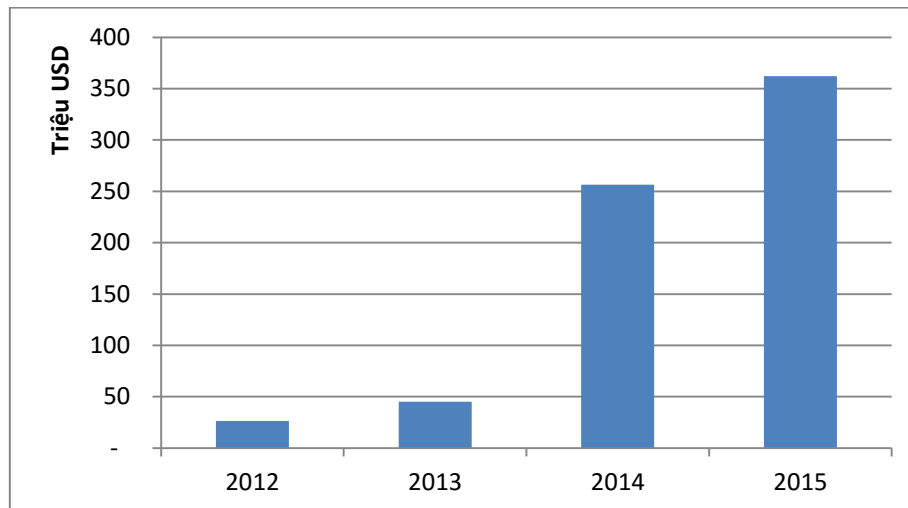
⁹ Xem chi tiết tên của các loài nằm trong 8 nhóm tại website: <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-2198-CNR-bang-phan-loai-tam-thoi-go-su-dung-thong-nhat-trong-ca-nuoc-42178.aspx>

¹⁰ Chi tiết các loài gỗ xẻ từ Lào được nhập khẩu vào Việt Nam xem trong Báo cáo của Tổ chức Forest Trends và VIFORES, FPA Bình Định tiêu đề ***Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào: Thực trạng và xu hướng***, do Tô Xuân Phúc và các cộng sự thực hiện, tháng 5 năm 2016.

Hình 3. Thay đổi lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam



Hình 4. Thay đổi giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam



Bảng 2, Hình 3 và 4 cho thấy lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam tăng đột biến từ năm 2014. Hiện cả lượng và giá trị nhập khẩu vẫn đang nằm trong xu hướng tăng. Cụ thể, lượng gỗ xẻ nhập khẩu năm 2015 đạt gần 378.000 m³, tương đương với gần 530.000 m³ quy tròn. Trong khi lượng gỗ xẻ nhập khẩu năm 2013 chỉ khoảng 51.100 m³, tương đương với 71.600 m³ gỗ quy tròn, chỉ bằng 13,5% lượng gỗ xẻ nhập khẩu năm 2015.

Năm 2015, giá trị nhập khẩu gỗ xẻ từ Campuchia đạt hơn 361 triệu USD, gấp 8 lần từ con số 45 triệu USD của năm 2013.

3.2. Các loài gỗ xẻ nhập khẩu

Trong năm 2015, Việt Nam nhập khẩu 30 loại gỗ xẻ khác nhau từ Campuchia. Sử dụng cách phân loại gỗ của Việt Nam, số loại gỗ này thuộc 7 nhóm. Bảng 3 chỉ ra chi tiết lượng và giá trị các loài gỗ được phân chia theo các nhóm khác nhau.

Bảng 3. Gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia phân theo nhóm

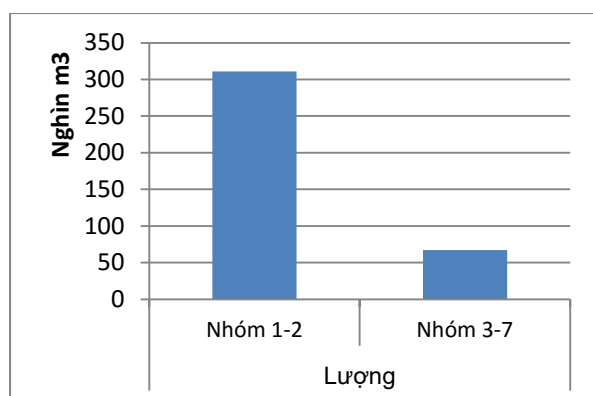
Nhóm gỗ	2012		2013		2014		2015	
	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
1	6.100	10,9	18.900	37,1	98.000	232,9	113.100	230,6
2	250	0,1	2.800	1,7	27.800	17,4	197.900	113,6
3			93	0,06	2.900	0,9	24.600	7,7
4							23	0,005
5	28.100	6,2	10.000	2,0	1.700	0,4	16.300	4,7
6	4.900	0,9	3	0,005			806	0,2
7	31.100	8,2	19.300	4,1	23.100	4,8	25.300	5,3
Tổng	70.400	26,5	51.100	45,0	153.500	256,5	377.900	362,1

Chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu các loại gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia là loại gỗ quý, có tên trong danh sách nhóm 1-2 theo tiêu chí phân loại của Việt Nam. Trong năm 2015, lượng gỗ xẻ có tên trong nhóm 1 và 2 của Việt Nam được nhập khẩu từ Campuchia chiếm 82% trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ quốc gia này. Giá trị kim ngạch nhập khẩu các loại gỗ thuộc 2 nhóm này chiếm tới 95% trong tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu. Bảng 4, Hình 5 và 6 chỉ ra tỉ lệ các loại gỗ có tên nhóm 1-2 trong tổng lượng nhập khẩu từ Campuchia. Chi tiết các loài gỗ thuộc 2 nhóm này được trình bày trong Bảng 5, 6 và 7.

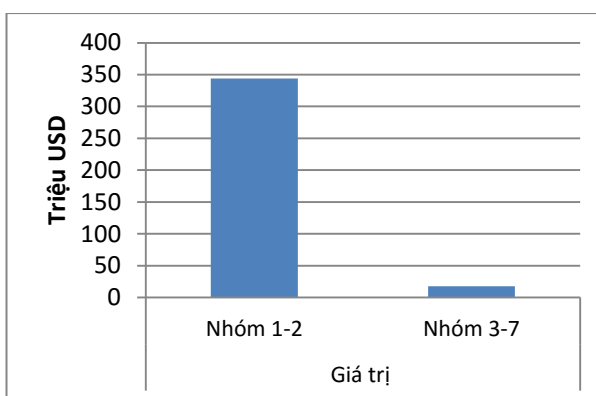
Bảng 4. Tỉ lệ gỗ nhóm 1-2 trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia

Cơ cấu	2013	2014	2015
Lượng gỗ xẻ nhóm 1-2 trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu (%)	42	82	82
Giá trị gỗ xẻ nhóm 1-2 trong tổng giá trị gỗ xẻ nhập khẩu (%)	86	94	95

Hình 5. Lượng gỗ xẻ nhóm 1-2 trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu



Hình 6. Kim ngạch gỗ xẻ nhóm 1-2 trong tổng kim ngạch gỗ xẻ nhập khẩu



Các loại gỗ quý đặc biệt là các loài có tên trong nhóm 1 và 2 của Việt Nam nhập khẩu từ Campuchia chủ yếu được sử dụng để xuất khẩu sang Trung Quốc, Hồng Kông và một phần sang Ấn Độ theo dạng tøm nhập tái xuất hoặc theo các sản phẩm dạng bán thành phẩm.

Bảng 5 chỉ ra 10 loại gỗ xẻ có lượng nhập nhiều nhất từ Campuchia vào Việt Nam trong năm 2015. Con số về lượng và giá trị nhập khẩu các loại gỗ này của các năm trước đó được sử dụng để so sánh mức độ tăng/giảm. Thông tin trong Bảng 5 cho thấy:

- Các loại gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam có xu hướng tăng rất nhanh trong giai đoạn 2012-2015. Các nguyên nhân chính dẫn tới lượng nhập tăng nhanh được đề cập trong Phần 1 (giới thiệu chung) của Báo cáo này.
- Trong năm 2015, cẩm xe và hương là các loài gỗ có lượng nhập rất cao. Tốc độ tăng trưởng về lượng nhập của các loài gỗ này cũng tăng đột biến. Cụ thể, lượng gỗ cẩm xe nhập khẩu trong năm 2015 đạt 176.600 m³, tăng hơn 7 lần so với lượng nhập loại gỗ này năm 2014 (25.000 m³), và hơn 80 lần so với lượng nhập của loài này năm 2013 (2.200 m³). Năm 2015 giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ cẩm xe từ Campuchia đạt 105,5 triệu USD, tăng gấp hơn 6 lần giá trị kim ngạch nhập khẩu của loại gỗ này năm 2014 (16,4 triệu USD) và 81 lần giá trị nhập khẩu loại gỗ này năm 2013.
- Một phần cẩm xe và hương nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam được xuất khẩu đi Trung Quốc, Hồng Kông và Ấn Độ. Một phần khác được sử dụng tại thị trường nội địa ở dạng gỗ xây dựng như ván sàn, khung cửa, cầu thang và tủ bếp.
- Lượng nhập khẩu đối với gỗ hương xẻ tăng đột biến kể từ năm 2014, đạt trên 100.700 m³ năm 2015, cao gấp 1,4 lần lượng nhập của loại gỗ này năm 2014 (74.300 m³) và gấp 12 lần so với lượng nhập năm 2013. Giá trị kim ngạch nhập khẩu của loại gỗ này năm 2015 đạt 216 triệu USD, cao gấp 1,2 lần so với giá trị kim ngạch nhập khẩu của loại này năm 2014 và gấp hơn 13 lần so với kim ngạch năm nhập khẩu 2013.
- Các loại gỗ khác có tên trong Bảng 10 có lượng nhập và tốc độ tăng trưởng nhỏ hơn so với 2 loại gỗ cẩm xe và hương. Tuy nhiên, mức độ tăng trưởng về lượng nhập các loài gỗ này cũng tương đối lớn.

Bảng 5. Mười loại gỗ xẻ có lượng nhập nhiều nhất từ Campuchia vào Việt Nam năm 2015

Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Nhóm gỗ	2013		2014		2015	
					Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)
Căm xe	Batal, Pyinkado	Xylia xylocarpa	Leguminosae	2	2.200	1,3	25.000	16,4	176.600	105,5
Hương	Burma Padauk, Burmese rosewood, Narra, Sena	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	1	8.400	16,3	74.300	180.0	100.700	216.0
Điều	Cashew wood, Caju	Anacardium occidentale	Anacardiaceae	7	13.700	2,7	19.900	4,0	22.300	4,5
Dầu	Keruing	Dipterocarpus alatus, D. costatus, Dipterocarpus spp.	Dipterocarpaceae	5			241	0,07	15.100	4,4
Cà chắc	Balau, Burma Sal, Siamese Sal, Thitya	Shorea obtusa	Dipterocarpaceae	2	22	0,006	2.200	0,7	12.500	3,6
Bằng lăng	crape myrtle, Bungor (Malay), Tabek (Thai), Banglang	Lagerstroemia paniculata	Lythraceae	3	39	0,001	1.700	0,5	12.300	3,6
Chiêu liên xanh	Ketapang, Terminalia Chebula	Terminalia tomentosa	Combretaceae	3	54	0,05	1.100	0,4	6.200	2,2
Gỗ đỏ	Ipil	Afzelia xylocarpa	Leguminosae	1	336	0,5	67	0,1	4.500	3,1
Sao xanh	Giam, Malut; Chengal Batu	Hopea ferrea	Dipterocarpaceae	2	269	0,2	506	0,3	4.500	2,5
Sến	White Meranti	Shorea roxburghii	Dipterocarpaceae	3			101	0,03	4.300	1,7

Bảng 6. Các loại gỗ xẻ có tên trong nhóm 1 nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam

Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	2013		2014		2015	
				Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
Cẩm	Burmese Rosewood, Palisander	Dalbergia oliveri	Leguminosae	1.100	2,3	14.100	34,1	3.919	7,9
Gỗ đỏ	Ipil	Afzelia xylocarpa	Leguminosae	336	0,7	67	0,1	4.500	3,1
Gụ mật	Sepetir, Memperas	Sindora siamen	Leguminosae	70	0,06	3.800	2,8	3.500	2,4
Hương	Burma Padauk, Burmese rosewood, Narra, Sena (Malay)	Pterocarpus macrocarpus	Leguminosae	8.400	16, 3	74.300	180.0	100.706	216.0
Trắc	Siamese Rosewood	Dalbergia cochinchinensis	Leguminosae	8.700	17,5	5.700	15,8	419	1,2
Loại khác				281	0,6				

Bảng 7. Các loài gỗ xẻ có tên trong nhóm 2 nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam

Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Loài	2013		2014		2015	
				Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
Cà chắc	Balau, Burma Sal, Siamese Sal, Thitya	Shorea obtusa	Dipterocarpaceae	22	0,006	2.200	0,7	12.500	3,6
Cẩm xe	Batal, Pyinkado	Xylia xylocarpa	Leguminosae	2.200	1,3	25.000	16,4	176.600	105,5
Kiên kiên	Merawan	Hopea pierrei	Dipterocarpaceae			36	0,01	2.400	0,7
Lim xanh	Indochina ironwood	Erythrophloeum fordii	Leguminosae	370	0,3	29	0,02	1.900	1,3
Sao xanh	Giam, Malut, Chengal Batu	Hopea ferrea	Dipterocarpaceae	269	0,2	506	0,3	4.500	2,5

Thông tin từ Bảng 6 cho thấy:

- Trong năm 2015 có 5 loại gỗ xẻ có tên trong nhóm 1 theo phân loại của Việt Nam được nhập khẩu vào Việt Nam từ Campuchia, trong đó hương là loại gỗ có lượng nhập nhiều nhất (xem thêm trong Bảng 5).
- Các loại gỗ khác có tên trong cùng nhóm 1 như cẩm, gỗ đỏ, gụ mật có lượng nhập nhỏ hơn, với lượng nhập khoảng 3000-4000 m³ đối với mỗi loại.
- Lượng nhập loại gỗ gỗ đỏ tăng nhanh trong những năm vừa qua.
- Cẩm và trắc là 2 loại gỗ có lượng nhập trong năm 2015 sụt giảm lớn so với lượng nhập 2 loài gỗ này các năm trước đó. Cụ thể, lượng nhập gỗ cẩm giảm từ mức trên 14.000 m³ năm 2014 xuống chỉ còn khoảng 3.900 m³ năm 2015. Lượng nhập gỗ trắc giảm từ mức 5.700 m³ năm 2014 xuống chỉ còn 419 m³ năm 2015.
- Có 2 nguyên nhân chính dẫn đến sụt giảm lượng nhập khẩu gỗ trắc và cẩm từ Campuchia. Thứ nhất do sự suy giảm cầu đặc biệt là tại thị trường Trung Quốc đối với các loại gỗ này. Thứ 2, do sự siết chặt trong công tác quản lý, bao gồm việc ban hành Thông tư 37 ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương, quy định việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với gỗ nguyên liệu có nguồn gốc từ Lào và Campuchia.¹¹ Ngoài ra, quy định mới của cơ quan CITES có liên quan đến việc dừng nhập khẩu gỗ trắc có nguồn gốc từ Campuchia kể từ ngày 1/1/2015 có thể cũng là nguyên nhân dẫn đến sụt giảm trong lượng nhập khẩu đối với các loại gỗ này.¹²

Có 5 loài gỗ là gỗ xẻ có tên trong nhóm 2 trong bảng phân loại gỗ của Việt Nam được nhập khẩu từ Campuchia trong năm 2015 (Bảng 7).

Lượng nhập các loại gỗ có tên trong nhóm 2 có xu hướng tăng.

Trong đó, cẩm xe là loại gỗ có lượng nhập khẩu cao nhất và cũng là 1 trong 10 loại gỗ có lượng nhập lớn nhất từ Campuchia (Bảng 5). Trong các loài gỗ có tên trong nhóm 2, cà chắt cũng là loại có lượng nhập tương đối lớn, khoảng 12.500 m³ năm 2015, tăng từ con số 2.200 m³ năm 2014.

Các loại gỗ khác trong nhóm như sao xanh, kiền kiền, lim xanh có lượng nhập nhỏ, khoảng 2.000 – 4.000 m³/năm. Tốc độ tăng trưởng về lượng nhập các loại gỗ này trong thời gian vừa qua tăng tương đối nhanh.

Hầu hết các loại gỗ có tên trong nhóm 2 được nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam được sử dụng cho nhu cầu tiêu thụ nội địa của Việt Nam. Chỉ có một phần lượng cẩm xe nhập khẩu được tái xuất sang Ấn Độ (khoảng 28.400 m³) một lượng nhỏ (1.800 m³) được xuất khẩu sang Trung Quốc. Tại thị trường nội địa, cẩm xe được sử dụng trong gỗ xây dựng.

4. Nhập khẩu gỗ tròn từ Campuchia vào Việt Nam

Chính phủ Campuchia ban hành chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn kể từ năm 1996. Cho đến nay chính sách này vẫn còn hiệu lực. Tuy nhiên, các chính sách lâm nghiệp tại Campuchia nói chung bao gồm cả chính sách có liên quan đến xuất khẩu gỗ nguyên liệu nói riêng không nhất quán,

¹¹ Thông tin chi tiết về Thông tư 37 của Bộ Công thương:

<http://www.customs.gov.vn/Lists/VanBanPhapLuat/ViewDetails.aspx?ID=7903>

¹² Thông tin chi tiết về quy định mới của Cơ quan CITES có liên quan đến gỗ trắc nhập khẩu từ Lào:

<http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Tam-dung-cap-giay-phep-CITES-nhap-khau-go-Trac/217843.vgp>

điều này có thể là nguyên nhân dẫn đến gỗ tròn của Campuchia tiếp tục được xuất khẩu sang các nước, bao gồm cả Việt Nam.¹³

Tính không nhất quán về các chính sách có liên quan đến khai thác, vận chuyển và thương mại các loại gỗ tròn làm cho tính hợp pháp của nguồn gỗ tròn của Campuchia được nhập khẩu vào Việt Nam không rõ ràng. Hiện chưa có thông tin chính xác về việc tại sao gỗ tròn từ Campuchia lại có thể được nhập khẩu vào Việt Nam trong bối cảnh lệnh cấm xuất khẩu của Chính phủ Campuchia vẫn còn hiệu lực.

Năm 2015 Việt Nam nhập khẩu 31 loại gỗ tròn khác nhau từ Campuchia, trong đó có 5 loại có tên trong nhóm 1, 5 loại có tên trong nhóm 2 theo bảng phân loại gỗ của Việt Nam.

Trong số các loại gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam trong năm 2015 có 17 loại có lượng nhập trên 100 m³. Trong số này, chỉ có 6 loại gỗ có lượng nhập của mỗi loại lên tới trên 1.000 m³. Các loại gỗ còn lại có lượng nhập nhỏ.

Bảng 8 chỉ ra 10 loại gỗ tròn có lượng nhập cao nhất từ Campuchia năm 2015, trong đó cấm xe và dầu là 2 loại có lượng nhập đối lớn.

Cấm xe và dầu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam được tái xuất sang Ấn Độ. Một phần được xuất khẩu sang Trung Quốc.

Nhiều loại gỗ tròn nhập khẩu từ Campuchia được sử dụng nội địa tại Việt Nam.

¹³ Thông tin có liên quan đến vấn đề này có thể tìm thấy trong Báo cáo (i) *The socio-economic context of illegal logging and trade of rosewood along the Cambodian-Lao Border* của tác giả Sarinda Singh của Tổ chức Forest Trends.

Bảng 8. Mười loại gỗ tròn nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam năm 2015

STT	Tên gỗ	Tên thương mại	Tên khoa học	Họ	Nhóm gỗ	Lượng nhập (m3)	Giá trị (Triệu USD)
1	Căm xe	Batal, Pyinkado	Xylia xylocarpa	Leguminosae	2	31.900	11,6
2	Dầu	Keruing	Dipterocarpus alatus. D. costatus. Dipterocarpus spp.	Dipterocarpaceae	5	10.900	2,6
3	Tràm	Acacia	Melaleuca	Myrtaceae	6	7.500	0,4
4	Cà chắc	Balau, Burma Sal, Siamese Sal, Thitya	Shorea obtusa	Dipterocarpaceae	2	1.200	0,3
5	Sến	White Meranti	Shorea roxburghii	Dipterocarpaceae	3	1.200	0,4
6	Sao xanh	Giam, Malut, Chengal Batu	Hopea ferrea	Dipterocarpaceae	2	1.100	0,5
7	Bằng lăng	crape myrtle. Bungor (Malay), Tabek (Thai), Banglang	Lagerstroemia paniculata	Lythraceae	3	848	0,2
8	Chiêu liêu xanh	Ketapang, Terminalia Chebula	Terminalia tomentosa	Combretaceae	3	601	0,1
9	Cây	Pau kijang, Bush mango, Wild almond	Irvingia malayana	Irvingiaceae	6	517	0,2
10	Teak	Teak	Tectona grandis	Verbenaceae	3	293	0,05

5. Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ từ Campuchia vào Việt Nam

Gỗ nguyên liệu được nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam qua 20-30 cửa khẩu. Lượng nhập, giá trị kim ngạch và chủng loại gỗ khác nhau giữa những cửa khẩu.

Năm 2015 có 21 cửa khẩu được sử dụng để nhập khẩu gỗ nguyên liệu, trong đó có 4 cửa khẩu quốc tế, 16 cửa khẩu quốc gia, và 1 cửa khẩu phụ. Bảng 9 mô tả lượng và giá trị nhập khẩu qua các cửa khẩu Quốc tế. Bảng 10 mô tả lượng và giá trị nhập qua các cửa khẩu quốc gia.

Bảng 9. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia vào Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế

Năm	Gỗ tròn		Gỗ xẻ	
	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
2013	71	0,06	32.200	11,7
2014	0	0	28.500	11,9
2015	17.500	4,8	104.200	68,3

Bảng 10. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia vào Việt Nam qua cửa khẩu Quốc gia

Năm	Gỗ tròn		Gỗ xẻ	
	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
2013	334	0,7	14.400	27,6
2014	383	0,02	112.300	233,2
2015	40.200	12,1	247.800	281,3

Thông số trong Bảng 9 và 10 cho thấy:

- Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu qua các cửa khẩu tăng trong những năm vừa qua.
- Khác với động lực cửa khẩu nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào vào Việt Nam, trong đó chủ yếu lượng nhập được thực hiện thông qua các cửa khẩu Quốc tế¹⁴, gỗ nguyên liệu từ Campuchia được nhập khẩu vào Việt Nam chủ yếu qua các cửa khẩu quốc gia.
- Lượng gỗ xẻ được nhập khẩu qua các cửa khẩu Quốc gia lớn gấp hơn 2 lần so với lượng gỗ xẻ được nhập khẩu qua cửa khẩu Quốc tế, tuy nhiên giá trị kim ngạch nhập khẩu lại qua các cửa khẩu quốc gia lại lớn gấp 4 lần giá trị kim ngạch nhập khẩu qua các cửa khẩu Quốc tế. Điều này có nghĩa rằng có nhiều loại gỗ quý, có giá trị thị trường cao được nhập khẩu qua cửa khẩu quốc gia.

Bảng 11 chỉ ra một số cửa khẩu quan trọng trong nhập khẩu gỗ xẻ từ Campuchia vào Việt Nam. Số liệu của bảng này cho thấy:

- Lượng nhập qua mỗi cửa khẩu là rất lớn, đặc biệt đối với một số cửa khẩu tại Tây Ninh và Gia Lai.
- Trước năm 2014 một số cửa khẩu phụ như Vạc Xa (Tây Ninh) và 751 (Đắc Lắc) chưa được sử dụng để nhập khẩu gỗ, hoặc có sử dụng nhưng lượng nhập không đáng. Tuy nhiên từ năm 2014 lượng nhập qua các cửa khẩu này tăng rất mạnh.

¹⁴ Xem chi tiết tại Báo cáo *Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào: Thực trạng và xu hướng* do Tô Xuân Phúc và cộng sự soạn thảo tháng 5 năm 2016.

Bảng 11. Một số cửa khẩu có lượng nhập gỗ xẻ lớn từ Campuchia về Việt Nam

Cửa khẩu	2013		2014		2015	
	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (triệu USD)	Lượng (m3)	Giá trị (Triệu USD)
Lệ Thanh (Gia Lai)	542	0,9	3.000	3,6	67.400	37,9
Chàng Riệc (Tây Ninh)	2.200	4,0	50.00	123,8	89.900	84,3
Ka Tum (Tây Ninh)	8.400	16,6	29.000	71,1	51.000	83,8
Tà Vát (Bình Phước)	0	0	9.800	7,3	21.900	18,6
Vạc Xa (Tây Ninh)					48.400	39,2
751 Đắk Lắk			6.800	3,6	25.400	11,0

Bảng 12. Các cửa khẩu nhập khẩu gỗ tròn từ Campuchia vào Việt Nam năm 2015

STT	Cửa khẩu	Lượng (m3)	Giá trị (USD)
1	Chàng Riệc (Tây Ninh)	23.700	7.014.636
2	Lệ Thanh (Gia Lai)	17.400	34.760
3	Vạc Xa (Tây Ninh)	11.300	3.744.246
4	Tà Vát (Bình Phước)	2.300	675.771
5	Thịnh Lộc (Bình Phước)	1.200	322.997
6	Vĩnh Hội Đông (An Giang)	500	19.500
7	Ka Tum (Tây Ninh)	409	124.230
8	Bắc Đại (An Giang)	343	34.760
9	Phước Tân (Tây Ninh)	154	8.700
10	Tịnh Biên (An Giang)	100	3.800
11	Dinh Bà (Đồng Tháp)	98	14.678
12	Hưng Điền (Long An)	91	145.530
13	Mỹ Quý Tây (Long Any)	74	2.952
14	Khánh Bình (An Giang)	39	7.456
15	Giang Thành (Kiên Giang)	20	1.280
Tổng		57.700	16.899.846

Trong năm 2015 Việt Nam nhập khẩu gần 57.700 m3 gỗ tròn từ Campuchia. Lượng gỗ tròn này được nhập khẩu qua 15 cửa khẩu khác nhau (Bảng 12). Tuy nhiên, chỉ có 5 trong số các cửa khẩu này có lượng nhập lớn (hơn 1.000 m3/cửa khẩu). Các cửa khẩu có lượng nhập lớn bao gồm Chàng Riệc, Lệ Thanh và Vạc Xa.

Trong 15 cửa khẩu được sử dụng để nhập khẩu gỗ tròn chỉ có Lệ Thanh là cửa khẩu Quốc tế, còn lại là các cửa khẩu quốc gia và cửa khẩu phụ. Nói cách khác, các cửa khẩu quốc gia và cửa khẩu phụ đóng vai trò quan trọng trong nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia vào Việt Nam.

6. Kết luận

Gỗ nguyên liệu từ Campuchia, đặc biệt là gỗ xẻ là nguồn cung gỗ nhập khẩu quan trọng của Việt Nam. Kể từ năm 2014, lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam tăng rất nhanh. Hiện Campuchia là quốc gia đứng thứ 3 trong số các nước có nguồn cung gỗ xẻ lớn nhất cho Việt Nam và là quốc gia đứng đầu trong các nước có giá trị nhập khẩu lớn nhất. Lượng gỗ nguyên liệu từ Campuchia nhập khẩu vào Việt Nam vẫn có xu hướng tăng. Gia tăng về lượng nhập chủ yếu là do chính sách mở cửa của Chính phủ Việt Nam trong nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia. Bên cạnh đó, lượng nhập tăng có thể một phần là do chính sách hạn chế xuất khẩu gỗ nguyên liệu của Chính phủ Lào và chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn nguyên liệu từ Myanmar. Điều này chỉ ra mối liên quan chặt chẽ trong quan hệ thương mại về gỗ nguyên liệu giữa Việt Nam và trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông. Nói cách khác, suy giảm nguồn cung từ một quốc gia này có thể dẫn đến sức ép làm gia tăng nguồn cung từ quốc gia khác và ngược lại. Mối liên kết chặt chẽ trong quan hệ thương mại gỗ giữa các quốc gia có ý nghĩa quan trọng đối với các chính sách có liên quan đến việc sử dụng và quản lý tài nguyên rừng của các nước trong khu vực, bao gồm các chính sách có mục tiêu kiểm soát tính hợp pháp của nguồn cung gỗ từ các quốc gia này.

Tỷ trọng các loại gỗ quý, bao gồm loại gỗ có tên trong các nhóm 1-2 trong bảng phân loại gỗ của Việt Nam được nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam lớn. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng các loại gỗ có tên nằm trong các nhóm này có mức độ rủi ro lớn về tính hợp pháp của gỗ. Cụ thể, một lượng lớn gỗ của Campuchia có nguồn gốc từ các cánh rừng chuyển đổi, và các dự án chuyển đổi rừng sang các diện tích đất trồng cây công nghiệp thường liên quan đến các vi phạm về quyền của cộng đồng. Điều này làm xuất hiện nhiều tranh cãi về tính hợp pháp của gỗ được khai thác từ các dự án này. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hầu hết các loài gỗ quý, có tên nằm trong nhóm 1-2 theo bảng phân loại của Việt Nam đều được khai thác từ các khu vực rừng cần được bảo vệ.¹⁵ Với lý do này, các rủi ro có liên quan đến tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt là gỗ đối với các loại gỗ quý có tên trong nhóm 1-2 của Việt Nam là rất cao.

Các loại gỗ thuộc nhóm gỗ quý được nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam chủ yếu được sử dụng cho thị trường nội địa và một phần xuất khẩu sang Trung Quốc, Hồng Kông và Ấn Độ. Các loại gỗ thuộc các nhóm phổ thông hơn được đem vào chế biến và sử dụng tại thị trường nội địa của Việt Nam. Đến nay vẫn còn một số câu hỏi chưa có câu trả lời: Tỷ trọng gỗ nhập khẩu từ Campuchia được xuất khẩu đi các nước là bao nhiêu? Gỗ nhập khẩu từ Campuchia có được đưa vào chuỗi cung để xuất khẩu sang các nước có độ nhạy cảm cao về môi trường như Mỹ, EU hay không? Thị trường nội địa sử dụng bao nhiêu gỗ có nguồn gốc từ Campuchia? Các nghiên cứu trong thời gian tới nên tập trung vào các câu hỏi này.

¹⁵ Báo cáo của Tổ chức Global Witness công bố năm 2013 cho thấy một lượng lớn gỗ được khai thác từ các dự án chuyển đổi rừng sang các diện tích trồng cây công nghiệp trong bối cảnh các dự án này vi phạm nghiêm trọng các quyền đối với đất đai và rừng của cộng đồng. Báo cáo chi tiết tham khảo tại website: <https://www.globalwitness.org/en/campaigns/land-deals/rubberbarons/>. Báo cáo công bố năm 2015 của Tổ chức Forest Trends cho thấy độ che phủ rừng của Campuchia giảm từ 73% năm 1993 xuống còn khoảng 55-60% năm 2015, với suy giảm đặc biệt kể từ năm 2005 là do khai thác gỗ lậu và các dự án chuyển đổi rừng sang trồng cây công nghiệp tại các vùng lân cận và các vùng rừng bảo vệ. Thông tin chi tiết của Báo cáo tham khảo tại website: <http://forest-trends.org/releases/uploads/Cambodia%2520Concessions%2520Report%2520small%2520size.pdf>.

Mở cửa, tạo ra sự thông thoáng về cơ chế và chính sách thương mại, bao gồm cả thương mại gỗ giữa Việt Nam và Campuchia là xu thế tất yếu của hội nhập. Tuy nhiên, các cơ chế này được thực hiện trong bối cảnh nền quản trị lâm nghiệp tại Campuchia vẫn còn những tồn tại mang tính chất hệ thống đồng nghĩa với việc gia tăng rủi ro cho ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Đến nay vẫn chưa có những cơ chế hiệu quả trong việc giảm thiểu được rủi ro trong nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia mà vẫn duy trì được sự thông thoáng trong các chính sách thương mại gỗ nguyên liệu giữa 2 quốc gia.